TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 415/2017/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 25 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 174/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2017 giữa:

+ Nguyên đơn: Anh Lê Trung K, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ 10, phường T Đ, Tp T H, tỉnh Thái Nguyên

+ Bị đơn: Chị Lê Thị Nguyệt D, sinh năm 1989;

Địa chỉ: P N, xã Tr G, huyện S S, Tp Hà Nội.

- Căn cứ vào Điều 146; Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, 57 Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày17 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Trung K và chị Lê Thị Nguyệt D

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trung K và chị Lê Thị Nguyệt D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh K và chị D thỏa thuận: Chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 10/01/2011 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh K có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không giải quyết do chị D không yêu cầu.

- Về tài sản chung, Nợ chung, tài sản cho vay: Hai bên đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh K tự nguyện nộp 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, hoàn trả anh K150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0004943 ngày 27/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh TN;
-VKSND TPTN;
-THADS TPTN;
-Các đương sự;
-UBNDP.T Đ, TPTN;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Hồng Thái